

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 22/8/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Chi.
- Ông Nguyễn Trọng Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở TAND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST - DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01 ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Phạm Quốc H, sinh năm 1983.

Đăng ký thường trú tại: thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1985.

Đăng ký thường trú tại: thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là anh Phạm Quốc H trình bày: anh và anh Nguyễn Bá T là bạn bè chơi với nhau đã lâu. Ngày 21/01/2023, do anh T có việc cần tiền để phát triển kinh tế gia đình nên có hỏi vay tôi số tiền là 52 triệu đồng. Thời hạn vay là 1 tháng. Lãi suất thỏa thuận theo Ngân hàng. Khi vay anh T có viết giấy biên nhận, có sự chứng kiến

của anh Nguyễn Thành C. Số tiền này là tiền riêng của anh. Sau khi vay xong, quá thời hạn cam kết trả nhưng anh T không trả. Anh đã đòi nhiều lần nhưng không được. Nay anh yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả anh số tiền vay là 52 triệu đồng và tiền lãi của số tiền trên theo quy định của pháp luật. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh T đã rút yêu cầu về tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

- Xác minh tại Công an xã T và thôn P thể hiện: anh Nguyễn Bá T có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, huyện K nhưng hiện đi làm kinh tế ở đâu, cụ thể địa chỉ thế nào thì địa phương không nắm được.

- Ông Nguyễn Bá T1 là bố đẻ của anh T xác định: Anh T thỉnh thoảng có về thăm nhà nhưng không biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh T. Ông không biết gì về việc vay tiền giữa anh T và anh H.

- Lời khai của chị Bùi Thị L: Chị là vợ anh Phạm Quốc H. Chị biết việc anh H cho anh T số tiền 52.000.000 đồng. Chị xác định đây là số tiền riêng của anh H, không liên quan đến chị nên chị từ chối tham gia tố tụng.

- Lời khai của anh Nguyễn Thành C: anh là bạn của anh H và anh T. Do anh T cần tiền để làm kinh tế nên có hỏi vay anh H số tiền 52 triệu đồng, thời hạn vay là 1 tháng. Ngày vay tiền là ngày 21/01/2023. Khi hai bên giao dịch anh là người chứng kiến. Anh T là người viết giấy biên nhận và ký tên vào phần người vay tiền, anh ký tên vào phần người chứng kiến.

- Tại công văn số 1305 ngày 18/6/2024 của Phòng X – Công an tỉnh H xác định: Không có thông tin xuất nhập cảnh của anh Phạm Bá T2, sinh năm 1985 ở thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 155, Điều 166, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, Luật phí lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Bá T có nghĩa vụ trả anh Phạm Quốc H số tiền 52 triệu đồng. Đình chỉ việc xét xử về yêu cầu tính lãi của số tiền trên.

Về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: anh Phạm Quốc H khởi kiện đòi lại tài sản là tiền đối với bị đơn là anh Nguyễn Bá T có địa chỉ thường trú tại xã T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật dân sự.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 21/01/2023, các bên xác lập việc vay tiền và ấn định thời hạn trả tiền là 1 tháng kể từ ngày vay. Ngày 18/3/2024, anh H khởi kiện nên việc khởi kiện nằm trong thời hiệu theo quy định.

[1.4]. Tại phiên tòa, anh H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi của số tiền anh T phải trả. Việc rút yêu cầu về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận để đình chỉ xét xử yêu cầu này theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn: anh H cung cấp cho Tòa án 01 Hợp đồng thỏa thuận vay tiền ngày 21/01/2023. Quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, bản sao Đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho anh T. Tuy nhiên anh T đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì khác đối với yêu cầu khởi kiện của anh H. Tuy nhiên, trên cơ sở lời khai của anh Nguyễn Thành C là người trực tiếp chứng kiến việc vay tiền, viết giấy biên nhận và ký tên vào giấy biên nhận, có căn cứ xác định anh T còn nợ anh H

số tiền nợ gốc 52.000.000 đồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **H** để buộc anh **T** phải thực hiện nghĩa vụ trả anh **H** số tiền nêu trên.

[2.2] Về án phí: do yêu cầu của anh **H** được chấp nhận nên anh **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 155, Điều 166, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, Luật phí lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Phạm Quốc H**

Buộc anh **Nguyễn Bá T** phải có nghĩa vụ trả anh **Phạm Quốc H** số tiền 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh **H** yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà anh **T** chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi tiền lãi của anh **Phạm Quốc H**.

3. Về án phí: anh **Nguyễn Bá T** phải chịu 2.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh **Phạm Quốc H** số tiền 1.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001965 ngày 04/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hà